

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt sửa đổi, bổ sung danh sách đối tượng và dự toán kinh phí thực hiện tỉnh giảm biên chế (đợt 1, đợt 2 năm 2023)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về tỉnh giảm biên chế;

Căn cứ Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tỉnh giảm biên chế; Thông tư số 117/2021/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4602/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách đối tượng và dự toán kinh phí thực hiện chính sách tỉnh giảm biên chế (đợt 1 năm 2023);

Theo đề nghị của Liên Sở Nội vụ - Tài chính tại Tờ trình số 521/TTr-LS:NV-TC ngày 25 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung danh sách đối tượng và dự toán kinh phí thực hiện tỉnh giảm biên chế (đợt 1, đợt 2 năm 2023), cụ thể như sau:

1. Phê duyệt sửa đổi danh sách đối tượng và bổ sung dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế (đợt 1 năm 2023) được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4602/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2022, cụ thể như sau:

a) Sửa đổi thời điểm tinh giản biên chế và số năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để tính trợ cấp của ông Mai Văn Cường tại số thứ tự 35 Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 4602/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh như sau:

- Thời điểm tinh giản biên chế: 01 tháng 7 năm 2023.

- Số năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để tính trợ cấp: 26 năm 3 tháng.

b) Bổ sung kinh phí còn thiếu để thực hiện chế độ, chính sách tinh giản biên chế cho ông Mai Văn Cường theo nội dung sửa đổi được phê duyệt tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định này, cụ thể như sau:

- Tổng dự toán kinh phí bổ sung: 1.568.000 đồng (một triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2023.

c) Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 4602/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Phê duyệt bổ sung danh sách đối tượng và dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế (đợt 2 năm 2023), cụ thể như sau:

a) Tổng số đối tượng thực hiện tinh giản biên chế bổ sung: 04 người.

b) Tổng dự toán kinh phí bổ sung: 721.500.000 đồng (bảy trăm hai mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng).

c) Nguồn kinh phí: Từ nguồn tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2023.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ, Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

2. Căn cứ nội dung đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp kinh phí cho các đơn vị để triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

3. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, có trách nhiệm thực hiện công bố thông tin, tổng hợp, báo cáo nội dung về việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế gửi các cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện: Thạch Thành, Bá Thước, Thiệu Hóa có trách nhiệm:

a) Rà soát lại các đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn để thực hiện các trình tự, thủ tục có liên quan theo đúng quy định của pháp luật về tinh giản biên chế và các quy định hiện hành của pháp luật khác có liên quan.

b) Quản lý kinh phí được giao và chi trả cho đối tượng thụ hưởng theo đúng chế độ, chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, mục tiêu, đối tượng, công khai, minh bạch và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực nội vụ, tài chính - ngân sách và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về các quyết định của mình.

5. Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, Bảo hiểm xã hội tỉnh, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm chủ động theo dõi, hướng dẫn và giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của các đơn vị có đối tượng thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định; tham mưu đề xuất, báo cáo những vấn đề vượt thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH, KTTC.

CHỦ TỊCH



Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục số 01:

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG ĐỐI TƯỢNG VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số người được hưởng chính sách tính giảm biên chế					Kinh phí cho tính giảm biên chế năm (1.000 đồng)				
		Tổng	Về hưu trước tuổi	Chuyển sang các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề	Tổng	Về hưu trước tuổi	Chuyển sang các tổ chức không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	Ngân sách nhà nước (NSNN) đảm bảo từ nguồn cải cách tiền lương trong dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2023	4	1		3		723.068	60.012		663.056	
I	Khối Hành chính cấp xã	4	1		3		723.068	60.012		663.056	
1	Huyện Thạch Thành	3	1		2		629.842	60.012		569.830	
2	Huyện Bá Thước	1			1		91.658			91.658	
3	Huyện Thiệu Hóa (kinh phí bổ sung còn thiếu cho ông Mai Văn Cường về đợt 1 năm 2023 được phê duyệt tại Quyết định số 4602/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)						1.568			1.568	

Phụ lục số 02:

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng.																											
TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1.000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1.000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tính giản biên chế		Thời điểm tính giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1.000 đồng)	Lý do tính giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên				Năm	Tháng	Về hưu trước tuổi		
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng						
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
A	NSNN đảm bảo từ nguồn cải cách tiền lương trong dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2023																									723.068	
II	Khối Hành chính cấp xã																									723.068	
1	Huyện Thạch Thành																									629.842	
1	Phùng Thị Tuyên	12/1968	Đại học	Công chức VP-TK thị trấn Kim Tân	3,33	11/2019							3,00	11/2016	5.994	4.801	17 n	02 th		54 t	7 th	01/8/2023	x			60.012	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, CC có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2022) Ko HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý (về tại K5, DD5, ND 29)
2	Đỗ Huy Mội	8/1968	Đại học	Công chức VH-XH thị trấn Kim Tân	3,66	11/2020							3,33	11/2017	6.588	5.190	32 n	4 th		54 t	11 th	01/8/2023			x	272.776	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, CC có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2022) Ko HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý
3	Bùi Văn Chính	8/1973	Đại học	Chủ tịch MTTQ xã Thành Thượng	4,32	12/2021	0,20	01/2019					3,99	12/2018	9.118	6.859	26 n	6 th		49 t	11 th	01/10/2023			x	297.054	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, CB có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2022) Ko HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý

TT	Họ và tên	Tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	chức vụ/chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1.000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp về hưu trước tuổi do đóng BHXH (1.000đ)	Số năm đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc để tính trợ cấp			Tuổi khi giải quyết tính giản biên chế		Thời điểm tính giản biên chế	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ (1.000 đồng)	Lý do tính giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp (%)	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Số năm, tháng đóng BHXH		Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên				Về hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở cơ quan không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay		
																	Năm	Tháng		Năm	Tháng						
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
II	Huyện Bá Thước																									91.658	
4	Bùi Ngọc Nhung	5/1968	Đại học	Công chức Địa chính- NN- XD &MT xã Lương Trung	2,67	8/2020							2,66	8/2019	4.806	3.961	12 n	7 th		52 t	02 th	01/8/2023			x	91.658	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, CB có 01 xếp loại HTNV và 01 năm (2022) Ko HTNV ko thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính giản biên chế được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý
III	Huyện Thiệu Hóa																									1.568	
5	Mai Văn Cường	9/1967	TC	Công chức TP-HT xã Thiệu Thành	3,26	11/2021							3,06	11/2019	4.686	4.503	26 n	02 th		55 t	9 th	01/7/2023	x			1.568	Kinh phí bổ sung còn thiếu đối với ông Mai Văn Cường được phê duyệt tại QĐ số 4602/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh (105.137-103.569 tr)= 1.568,đồng